



Hà Nội, ngày 19 tháng 04 năm 2010

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN CÔNG TY CP HÓA DẦU PETROLIMEX NĂM 2009

Địa chỉ trụ sở chính : Số 195 Khâm Thiên - P. Thổ Quan - Q. Đống Đa - TP. Hà Nội
Điện thoại : 04 - 3851 3205
Fax : 04 - 3851 3207
Website : www.plc.com.vn Email : plc@plc.com.vn

I. Lịch sử hoạt động của Công ty

1. Những sự kiện quan trọng:

Được thành lập ngày 09/06/1994, tiền thân của Công ty CP Hóa dầu Petrolimex ngày nay là Công ty Dầu nhờn - thành viên trực thuộc Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam.

Ngày 13/12/1998, Công ty đổi tên thành Công ty Hóa dầu.

Tháng 12/2003, Công ty được cổ phần hóa và đổi tên thành Công ty CP Hóa dầu Petrolimex với tên giao dịch quốc tế là Petrolimex Petrochemical Joint Stock Company. Công ty chính thức hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần từ ngày 01/03/2004.

Ngày 01/03/2006, Công ty chính thức hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con với hai công ty con bao gồm Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex và Công ty TNHH Hóa chất Petrolimex.

Ngày 27/12/2006, cổ phiếu của Công ty chính thức giao dịch trên Trung tâm giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã giao dịch: PLC.

Ngày 28/03/2007, Công ty vinh dự được Chủ tịch nước trao tặng Danh hiệu Anh hùng lao động.

2. Quá trình phát triển:

- *Ngành nghề kinh doanh:*

Kinh doanh, xuất nhập khẩu dầu mỡ nhờn, nhựa đường, hóa chất (trừ các loại hóa chất mà Nhà nước cấm) và các mặt hàng khác thuộc lĩnh vực dầu mỏ và khí đốt;

Kinh doanh xuất nhập khẩu: vật tư, thiết bị chuyên ngành hóa dầu;

Kinh doanh dịch vụ: vận tải, cho thuê kho bãi, pha chế, phân tích, thử nghiệm, tư vấn và dịch vụ kỹ thuật hóa dầu.

Kinh doanh bất động sản.

Kinh doanh dịch vụ cung ứng tàu biển.

- *Tình hình hoạt động:*

Tiếp tục kế thừa và phát huy những truyền thống, thành quả trong SXKD của Petrolimex hơn 50 năm qua; sau gần 15 năm xây dựng và phát triển, đến nay PLC đã trở thành một trong những doanh nghiệp hàng đầu Việt Nam chuyên kinh doanh các sản phẩm hóa dầu: Dầu mỡ nhờn, Nhựa đường, Dung môi hóa chất.

Trước năm 1994, từ chỗ các sản phẩm hóa dầu do Petrolimex cung cấp tại Việt Nam đều phải nhập khẩu, đến nay PLC đã tự nhập khẩu nguyên vật liệu và sản xuất các sản phẩm mang thương hiệu PETROLIMEX - PLC đáp ứng nhu cầu thị trường trong nước. Đặc biệt, Công ty đang từng bước mở rộng hoạt động xuất khẩu sang thị trường các nước trong khu vực như: Lào, Campuchia, Trung Quốc, Hong Kong, Đài Loan, Philippin...

Ghi nhận các thành tích đã đạt được trong những năm vừa qua, Công ty đã được Nhà nước, Chính phủ, các Bộ, các Ngành, Cơ quan, Đoàn thể, các Tổ chức trong và ngoài nước trao tặng các danh hiệu cao quý:

- Huân chương lao động hạng II, hạng III.
- Bằng khen của Chính phủ năm 2001.
- Cờ thi đua luân lưu của Chính phủ các năm: 1996, 1997, 1998, 2000, 2003, 2005, 2008.
- Ngày 28/03/2007, Công ty vinh dự đón nhận danh hiệu Anh hùng lao động do Chủ tịch nước phong tặng.

3. Định hướng phát triển:

Trong những năm tới, PLC sẽ tiếp tục tập trung mọi nguồn lực nhằm thực hiện các mục tiêu sau đây:

- Giữ vững vị thế là một trong những doanh nghiệp hàng đầu Việt Nam chuyên sản xuất, kinh doanh các sản phẩm hóa dầu mang thương hiệu PETROLIMEX - PLC có chất lượng đạt tiêu chuẩn Quốc gia và Quốc tế với các dịch vụ hoàn hảo và thỏa mãn tốt nhất nhu cầu của khách hàng.
- Mở rộng hoạt động xuất khẩu các sản phẩm hóa dầu sang thị trường các nước trong khu vực.
- Xây dựng Công ty thành Tổng công ty CP Hóa dầu Petrolimex, góp phần phát triển Tổng công ty Xăng dầu Việt Nam trở thành một tập đoàn kinh tế mạnh và năng động.
- Không ngừng nâng cao giá trị doanh nghiệp nhằm đem lại lợi ích tối đa cho các cổ đông Công ty; tạo việc làm ổn định, từng bước nâng cao thu nhập cho người lao động.
- Phát triển nhanh và bền vững.

Để thực hiện tốt các mục tiêu nêu trên, chiến lược phát triển trung và dài hạn của PLC bao gồm:

Thứ nhất, tăng cường đầu tư xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật hiện đại, công nghệ cao nhằm nâng cao sản lượng, chất lượng sản phẩm và tiết kiệm chi phí sản xuất.

Thứ hai, chú trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ nhằm xây dựng một đội ngũ nhân lực chất lượng cao, chịu được sự cạnh tranh gay gắt trong bối cảnh kinh tế Việt Nam đang hội nhập ngày càng sâu và rộng.

Thứ ba, tích cực tìm kiếm cơ hội mở rộng lĩnh vực kinh doanh trên cơ sở khai thác những lợi thế sẵn có của Công ty nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh.

II. Báo cáo của Hội đồng quản trị

PLC là một trong những doanh nghiệp hàng đầu Việt Nam chuyên kinh doanh các sản phẩm Hóa dầu. Thương hiệu PETROLIMEX - PLC ngày càng trở nên quen thuộc với người tiêu dùng với các sản phẩm như dầu nhớt Komat, Racer, nhựa đường đặc nóng dạng xá, fuy, v.v.... Sản phẩm của Công ty có chất lượng cao, được người tiêu dùng tin nhiệm bình chọn là Hàng Việt Nam chất lượng cao nhiều năm liền.

Năm 2009 là năm Công ty đạt được kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh vượt bậc so với các năm trước đây. Cụ thể:

Doanh thu đạt 3.742,84 tỷ đồng, tăng 26,00% so với thực hiện 2008, vượt 73,01% kế hoạch ĐHCĐ Công ty giao.

Lãi gộp đạt 598,068 tỷ đồng, tăng 60,01% so với thực hiện 2008, vượt 70,65% kế hoạch ĐHCĐ Công ty giao.

Lợi nhuận sau thuế đạt 172,89 tỷ đồng, tăng 214,11% so với thực hiện năm 2008, vượt 147,27% kế hoạch ĐHCĐ Công ty giao.

Hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2009 của Công ty có một số thuận lợi sau:

Thứ nhất, với vị thế là một doanh nghiệp lớn của Việt Nam trong lĩnh vực Hóa dầu, Công ty đã tạo được mối quan hệ tốt với các Nhà cung cấp nguyên liệu lớn trên thế giới, đảm bảo được nguồn cung nguyên liệu với giá bán cạnh tranh nhất. Giai đoạn đầu năm 2009, trên đà suy thoái của nền kinh tế thế giới, giá dầu thô và các sản phẩm hóa dầu giảm rất mạnh. Nhờ bắt được cơ hội này Công ty đã tiến hành nhập một lượng lớn nguyên liệu đầu vào cho quá trình sản xuất. Hướng đi đúng đắn này là một nguyên nhân quan trọng tạo nên kết quả trên.

Thứ hai, hoạt động kinh doanh của Công ty có quan hệ mật thiết tới những dự án xây dựng công trình giao thông lớn của đất nước. Năm 2009, hưởng lợi từ chính sách hỗ trợ lãi suất của Nhà nước, các doanh nghiệp thuộc khối ngành xây dựng công trình giao thông đã dần hồi phục, ổn định hoạt động kinh doanh của mình. Tạo điều kiện cho Công ty đẩy mạnh tiêu thụ các sản phẩm Hóa dầu.

Thứ ba, định hướng phát triển của Công ty theo hướng tập trung vào ngành nghề kinh doanh chính, đẩy mạnh đầu tư cơ sở vật chất kỹ thuật đã phát huy tác dụng. Năng lực sản xuất của Công ty liên tục được cải thiện, hệ thống bồn chứa được mở rộng, công suất sản xuất được nâng cao, đảm bảo cung ứng tốt nguồn hàng cho thị trường vào mọi thời điểm.

Triển vọng kinh doanh và kế hoạch của Công ty trong năm 2010:

Triển vọng kinh doanh:

- Theo Nghị quyết về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2010, mức độ tăng trưởng GDP năm 2010 được đặt ra ở mức từ 6,5%; trong đó khu vực công nghiệp và xây dựng với tốc độ tăng 7%, khu vực dịch vụ tăng 7,5% và khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 2,8%; do đó làm tăng nhu cầu sử dụng các nguyên, nhiên vật liệu, sản phẩm, hàng hóa trong đó có các sản phẩm Hóa dầu.
- Nhu cầu dầu mỡ nhờn tăng trưởng bình quân 6 - 8%/năm. Tổng nhu cầu dầu mỡ nhờn tại Việt Nam bình quân một năm ước tính khoảng 150.000 MT đến 200.000 MT, là cơ hội lớn cho PLC tăng sản lượng.
- Nhu cầu Nhựa đường tăng trưởng lớn: Trong những năm vừa qua cùng với sự phát triển của nền kinh tế, hệ thống cơ sở hạ tầng được Nhà nước đầu tư với hàng loạt các công trình đường xá, cầu cống, được xây dựng, như dự án nâng cấp quốc lộ 1A có chiều dài 1600 km, dự án xây dựng và cải tạo các tuyến đường liên tỉnh, đường đô thị, cầu vượt và dự án xây dựng hàng loạt đường giao thông nông thôn... Các công trình cơ sở hạ tầng này được tài trợ bởi nhiều nguồn vốn khác nhau: Vốn ngân sách Nhà nước, vốn ngân sách địa phương, vốn vay Ngân hàng thế giới, Ngân hàng phát triển Châu Á. Do đó đã tạo ra nhu cầu rất lớn về nhựa đường, một vật liệu chính để làm đường.
- Nhu cầu Dung môi hóa chất tăng trưởng đột biến do:
 - Quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa tiếp tục diễn ra sâu rộng hơn với kết quả tăng trưởng cao trong khu vực công nghiệp nặng, dịch vụ, đầu tư cơ sở hạ tầng;
 - Chính sách mở cửa đối với hoạt động đầu tư của nước ngoài làm gia tăng các hoạt động gia công, chế biến, sản xuất, các mặt hàng xuất khẩu của khối doanh nghiệp này. Những ngành hàng có sự tăng trưởng cao và đột biến về nhu cầu các Dung môi hóa chất là sản xuất da giày, sơn, bột giặt, thuốc trừ sâu, các chất dẻo PE, PVC, hóa dược, dệt may, tấm cách nhiệt, cách điện, cách âm,...

Kế hoạch của Công ty trong năm 2010:

- Tập trung thực hiện kế hoạch đầu tư phát triển CSVCKT theo kế hoạch năm 2010 để kịp thời đáp ứng nhu cầu SXKD trong giai đoạn mới nhằm tăng cường yếu tố cạnh tranh với các công ty trong cùng lĩnh vực và phát triển các hoạt động dịch vụ cho thuê kho bãi, gia công pha chế thuê.
- Nghiên cứu sản xuất, nhập khẩu các sản phẩm Dầu mỡ nhờn, Nhựa đường, Hóa chất có chất lượng cao nhằm thực hiện chiến lược đa dạng hóa và nâng cao chất lượng sản phẩm trên cơ sở khai thác những lợi thế về CSVCKT, đội ngũ cán bộ, đảm bảo hiệu quả kinh doanh.
- Phát triển hoạt động xuất khẩu các sản phẩm Hóa dầu sang thị trường các nước trong khu vực.

III. Báo cáo của Ban giám đốc

1. Tình hình tài chính

Khả năng sinh lời:

| Chỉ tiêu | 2007 | 2008 | 2009 |
|----------------------------|--------|--------|--------|
| Tăng trưởng doanh thu | 29,38% | 15,33% | 26,00% |
| Tỷ suất lãi gộp | 11,57% | 12,47% | 15,85% |
| Tỷ suất LN HỖSXKD/DT thuần | 2,24% | 2,18% | 5,12% |
| ROE | 21,6% | 17,88% | 43,73% |
| ROA | 5,24% | 4,27% | 12,66% |

Các chỉ tiêu về khả năng sinh lời năm 2009 đều thể hiện một sự tăng trưởng vượt bậc so với các năm trước. Trong đó, doanh thu và tỷ suất lãi gộp đều tăng mạnh phản ánh nguồn lợi nhuận Công ty tạo ra mang tính ổn định, bền vững lâu dài.

Đánh giá chỉ số lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE):

Để phân tích rõ các nhân tố ảnh hưởng đến ROE, chúng ta xem qua 3 thành phần cấu thành ROE: Lợi nhuận cận biên (bằng LNST/Doanh thu thuần), vòng quay tài sản và tài sản/vốn chủ sở hữu.

| Chỉ tiêu | 2007 | 2008 | 2009 |
|-------------------------|------|------|------|
| Lợi nhuận cận biên (%) | 2,14 | 1,85 | 4,62 |
| Vòng quay tài sản (lần) | 2,45 | 2,31 | 2,74 |
| Tài sản/VCSH (lần) | 4,12 | 4,18 | 3,45 |

Khả năng thanh toán:

| Các hệ số | 2007 | 2008 | 2009 |
|----------------------------|-------|-------|-------|
| Hệ số thanh toán hiện hành | 1,25 | 1,23 | 1,29 |
| Hệ số thanh toán nhanh | 0,75 | 0,70 | 0,75 |
| Vòng quay khoản phải thu | 5,4 | 6,49 | 6,97 |
| Số ngày các khoản phải thu | 67,56 | 56,21 | 51,63 |

Hệ số thanh toán hiện hành lớn hơn 1 và hệ số thanh toán nhanh lớn hơn 0,5 cho thấy Công ty luôn duy trì được khả năng thanh toán ở mức an toàn. Công tác quản trị công nợ ngày càng được củng cố, hoàn thiện qua các năm, góp phần giảm chi phí tài chính, tăng hiệu quả kinh doanh.

Giá trị sổ sách của Công ty tại thời điểm 31/12/2009 là 19.610 đồng/cổ phần.

Số cổ phiếu tại thời điểm 31/12/2009 là: 20.159.000 cổ phiếu. Trong đó:

- Cổ phiếu phổ thông: 20.158.886 cổ phiếu.
- Cổ phiếu quỹ: 114 cổ phiếu.
- Cổ phiếu ưu đãi: 0

Trong năm qua, Công ty đã phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông với tỷ lệ là 4:1.

Mục tiêu của Công ty trong những năm tiếp theo là duy trì tỷ lệ cổ tức ổn định và ngày càng tăng cho cổ đông.

2. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

(ĐVT: 1.000.000đ)

| STT | CHỈ TIÊU | THỰC HIỆN NĂM 2008 | KẾ HOẠCH 2009 | THỰC HIỆN NĂM 2009 | THAY ĐỔI (+/-) 2009 SO VỚI | |
|-----|------------------------|-----------------------|------------------|-----------------------|----------------------------|---------|
| | | | | | TH 2008 | KH 2009 |
| 1 | Doanh thu thuần | 2.970.599 | 2.163.377 | 3.742.838 | 26,00% | 73,01% |
| 2 | Giá vốn | 2.600.168 | 1.815.849 | 3.149.770 | 21,14% | 73,46% |
| 3 | Lãi gộp | 370.431 | 347.528 | 593.068 | 60,01% | 70,65% |
| 4 | Chi phí BH & QLDN | 210.186 | 194.868 | 311.989 | 48,43% | 60,10% |
| 5 | LN hoạt động tài chính | -95.580 | -79.167 | -89.472 | -6,39% | 13,02% |
| 6 | LN khác | 3.052 | 5.200 | 10.190 | 233,82% | 95,96% |
| 7 | Tổng LN trước thuế | 67.717 | 78.693 | 201.797 | 198,00% | 156,44% |
| 8 | LN sau thuế | 55.040 | 69.919 | 172.888 | 214,11% | 147,27% |

3. Những điểm bộ đã đạt được trong năm 2009:

Về cơ cấu tổ chức, chính sách quản lý - điều hành:

- Thực hiện phân công chuyên môn hóa cho từng lĩnh vực, tổ chức tốt kênh thông tin thị trường và phối hợp vùng miền trong SXKD. Đánh giá hiệu quả làm việc của người lao động để trả lương, thưởng; đánh giá hiệu quả các kênh phân phối bán hàng của các ngành hàng từ Công ty đến các chi nhánh theo hệ thống chuyên ngành, đảm bảo bao quát thị trường, thông tin phản hồi, hỗ trợ nhau trong duy trì, phát triển khách hàng tương đối hiệu quả, có căn cứ đánh giá chính xác hơn hiệu quả kinh doanh của từng nhóm sản phẩm và nhóm khách hàng, đưa ra chính sách bán hàng, chính sách quản lý công nợ phù hợp.
- Công ty tiếp tục kiện toàn hệ thống tổ chức bộ máy, công tác cán bộ, lao động của các Công ty con và các đơn vị trực thuộc để sử dụng lao động có hiệu quả hơn, tiết kiệm với bộ máy tinh gọn, tính chuyên nghiệp cao hơn.

- Trong quá trình thực hiện, Công ty đã điều chỉnh một số nội dung về cơ cấu tổ chức và phân cấp lại trong lĩnh vực quản lý kỹ thuật, công tác đầu tư XDCCB, công tác đảm bảo chất lượng, sử dụng kho bãi, hành chính văn phòng; bàn giao, quản lý sử dụng hệ thống CNTT,... giữa Công ty mẹ và các công ty con cho phù hợp với điều kiện thực tế hoạt động của các đơn vị theo nguyên tắc thỏa thuận thông qua các hợp đồng dịch vụ hoặc thỏa thuận phân bổ chi phí chung để các công ty chủ động trong quản lý và áp dụng các biện pháp tiết kiệm, giảm chi phí.
- Công ty tiếp tục thực hiện phương thức giao quỹ tiền lương với chỉ tiêu lợi nhuận, hướng tới mục tiêu trả lương theo thị trường. Việc trả lương hàng tháng theo mức độ hoàn thành kế hoạch nhiệm vụ giao cho NLĐ về cơ bản có hiệu quả tích cực, thúc đẩy LD làm việc trên tinh thần tự giác, gắn hiệu quả công việc của từng cá nhân với hiệu quả chung của cả tập thể và toàn công ty theo mục tiêu tạo giá trị gia tăng cho Công ty. Qua đó phân loại được LD để có chính sách sử dụng và đãi ngộ hợp lý hơn.

Các biện pháp kiểm soát rủi ro, tăng cường hiệu quả hoạt động:

- Tăng cường công tác quản lý, giám sát từ việc lập kế hoạch đến triển khai thực hiện tất cả các khoản mục chi phí và định mức kinh tế kỹ thuật để thực hiện các biện pháp tiết giảm chi phí, hạ giá thành từ khâu nhập khẩu, sản xuất, vận tải, bán hàng.
- Phối hợp chặt chẽ với giữa các phòng ban nhằm kiểm soát tốt tất cả các diễn biến của thị trường nhằm đưa ra các giải pháp trong từng tình huống cụ thể.

IV. Báo cáo tài chính:

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

MÃU B 01 – DN
Đơn vị: VND

| TÀI SẢN | Mã số | Thuyết minh | 31/12/2009 | 31/12/2008 |
|--|------------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+130+140+150) | 100 | | 1.146.639.572.748 | 1.322.744.172.826 |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | 5 | 112.110.461.124 | 81.726.970.448 |
| 1. Tiền | 111 | | 68.370.806.124 | 68.595.970.448 |
| 2. Các khoản tương đương tiền | 112 | | 43.739.655.000 | 13.131.000.000 |
| II. Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 585.991.056.749 | 413.542.287.254 |
| 1. Phải thu khách hàng | 131 | 6 | 633.329.404.411 | 440.241.713.996 |
| 2. Trả trước cho người bán | 132 | | 17.138.484.116 | 5.059.363.077 |
| 3. Các khoản phải thu khác | 135 | | 4.418.802.165 | 5.109.431.376 |
| 4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | 139 | 6 | (68.895.633.943) | (36.868.221.195) |
| III. Hàng tồn kho | 140 | 7 | 423.909.592.913 | 601.928.607.161 |
| 1. Hàng tồn kho | 141 | | 432.095.049.632 | 620.551.512.928 |
| 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | 149 | | (8.185.456.719) | (18.622.905.767) |
| IV. Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 24.628.461.962 | 225.546.307.963 |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | | 1.853.904.582 | 683.541.158 |
| 2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ | 152 | | 14.135.246.981 | 26.490.348.918 |
| 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 154 | | 2.415.169.133 | 2.802.811.124 |
| 4. Tài sản ngắn hạn khác | 158 | 8 | 6.224.141.266 | 195.569.606.763 |
| B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+250+260) | 200 | | 156.413.758.978 | 104.676.908.110 |
| I. Tài sản cố định | 220 | | 134.331.797.009 | 82.282.814.710 |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 221 | 9 | 62.279.589.263 | 64.504.660.701 |
| - Nguyên giá | 222 | | 206.902.861.060 | 197.682.158.728 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 223 | | (144.623.271.797) | (133.177.498.027) |
| 2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 230 | 10 | 72.052.207.746 | 17.778.154.009 |
| II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn | 250 | | 21.577.956.000 | 21.577.956.000 |
| 1. Đầu tư vào công ty liên kết | 252 | 11 | 21.557.956.000 | 21.557.956.000 |
| 2. Đầu tư dài hạn khác | 258 | | 20.000.000 | 20.000.000 |
| III. Tài sản dài hạn khác | 260 | | 504.005.969 | 816.137.400 |
| 1. Tài sản dài hạn khác | 268 | | 504.005.969 | 816.137.400 |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200) | 270 | | 1.303.053.331.726 | 1.427.421.080.936 |

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)*Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009***MÀU B 01 – DN***Đơn vị: VND*

| NGUỒN VỐN | Mã số | Thuyết minh | 31/12/2009 | 31/12/2008 |
|---|------------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330) | 300 | | 829.767.171.654 | 1.110.075.544.409 |
| I. Nợ ngắn hạn | 310 | | 808.186.084.323 | 1.109.075.319.652 |
| 1. Vay và nợ ngắn hạn | 311 | 12 | 565.429.646.805 | 870.783.567.326 |
| 2. Phải trả người bán | 312 | | 158.061.002.909 | 175.956.135.578 |
| 3. Người mua trả tiền trước | 313 | | 13.413.465.062 | 7.192.701.175 |
| 4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 314 | 13 | 41.015.802.881 | 19.930.989.735 |
| 5. Phải trả người lao động | 315 | | 20.803.552.259 | 13.099.271.219 |
| 6. Chi phí phải trả | 316 | | 3.647.834.419 | 1.398.879.535 |
| 7. Phải trả nội bộ | 317 | | - | 922.730.501 |
| 8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác | 319 | 14 | 5.814.779.988 | 19.791.044.583 |
| II. Nợ dài hạn | 330 | | 21.581.087.331 | 1.000.224.757 |
| 1. Vay và nợ dài hạn | 324 | 15 | 20.495.226.886 | - |
| 2. Dự phòng trợ cấp mất việc làm | 336 | | 1.085.860.445 | 1.000.224.757 |
| B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430) | 400 | | 473.286.160.072 | 317.345.536.527 |
| I. Vốn chủ sở hữu | 410 | | 473.284.915.314 | 316.513.802.531 |
| 1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu | 411 | 16 | 201.590.000.000 | 161.272.000.000 |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần | 412 | 16 | 16.135.510.000 | 56.453.510.000 |
| 3. Vốn khác của chủ sở hữu | 413 | | 466.200.000 | 466.200.000 |
| 4. Cổ phiếu quỹ | 414 | | (1.140.000) | - |
| 5. Chênh lệch tỷ giá hối đoái | 416 | 16 | (3.789.209.726) | - |
| 6. Quỹ đầu tư phát triển | 417 | 16 | 78.479.563.137 | 58.695.177.206 |
| 7. Quỹ dự phòng tài chính | 418 | 16 | 6.456.927.172 | 4.745.573.362 |
| 8. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | 419 | 16 | 1.059.085.592 | - |
| 9. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 420 | 16 | 172.887.979.139 | 34.881.341.963 |
| II. Nguồn kinh phí và quỹ khác | 430 | | 1.244.758 | 831.733.996 |
| 1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 431 | | 1.244.758 | 831.733.996 |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400) | 440 | | 1.303.053.331.726 | 1.427.421.080.936 |

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Mẫu B 02 – DN

Đơn vị: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Năm 2009 | Năm 2008 |
|--|-------|-------------|-------------------|-------------------|
| 1. Doanh thu bán hàng | 01 | 18 | 3.742.838.167.652 | 2.970.598.961.239 |
| 2. Các khoản giảm trừ | 02 | | - | - |
| 3. Doanh thu thuần bán hàng (10 = 01 - 02) | 10 | | 3.742.838.167.652 | 2.970.598.961.239 |
| 4. Giá vốn hàng bán | 11 | 19 | 3.149.769.938.136 | 2.600.168.080.667 |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng (20 = 10 - 11) | 20 | | 593.068.229.516 | 370.430.880.572 |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | 20 | 15.237.422.020 | 27.802.537.932 |
| 7. Chi phí tài chính | 22 | 21 | 104.708.966.368 | 123.382.686.354 |
| <i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i> | 23 | | 46.324.400.749 | 51.156.234.851 |
| 8. Chi phí bán hàng | 24 | | 238.398.765.201 | 190.231.597.570 |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 25 | | 73.590.618.565 | 19.954.338.318 |
| 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)) | 30 | | 191.607.301.402 | 64.664.796.262 |
| 11. Thu nhập khác | 31 | | 11.651.596.176 | 9.852.144.076 |
| 12. Chi phí khác | 32 | | 1.461.771.126 | 6.799.680.105 |
| 13. Lợi nhuận từ hoạt động khác (40 = 31 - 32) | 40 | 22 | 10.189.825.050 | 3.052.463.971 |
| 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40) | 50 | | 201.797.126.452 | 67.717.260.233 |
| 15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 51 | 23 | 28.909.147.313 | 12.676.918.270 |
| 16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - (51+52)) | 60 | | 172.887.979.139 | 55.040.341.963 |
| 17. Lãi trên cổ phiếu | 70 | 24 | 8.576 | 3.413 |

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Mẫu B 03 – DN

Đơn vị: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Năm 2009 | Năm 2008 |
|---|-------|--------------------------|--------------------------|
| I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH | | | |
| 1. Lợi nhuận trước thuế | 01 | 201.797.126.452 | 67.717.260.233 |
| 2. Điều chỉnh cho các khoản: | | | |
| Khấu hao tài sản cố định | 02 | 11.445.773.770 | 12.516.766.331 |
| Các khoản dự phòng | 03 | 21.675.599.388 | 9.084.794.235 |
| Lỗi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện | 04 | - | 10.961.151.632 |
| Chi phí lãi vay | 06 | 46.324.400.749 | 51.156.234.851 |
| 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động | 08 | 281.242.900.359 | 151.436.207.282 |
| (Tăng)/giảm các khoản phải thu | 09 | (2.068.359.879) | 87.844.573.645 |
| (Tăng)/giảm hàng tồn kho | 10 | 188.456.463.296 | (165.239.751.370) |
| Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp) | 11 | (18.768.339.195) | (140.888.807.139) |
| (Tăng)/giảm tài sản lưu động khác | 12 | (1.170.363.424) | (202.616.367.849) |
| Tiền lãi vay đã trả | 13 | (46.324.400.749) | (51.156.234.851) |
| Thuế Thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 14 | (14.688.080.636) | (10.887.893.507) |
| Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 15 | 41.645.021 | 34.869.244 |
| Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh | 16 | (831.629.238) | (5.081.343.564) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | 385.889.835.555 | (336.554.748.109) |
| II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ | | | |
| Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định | 21 | (63.494.756.069) | (21.910.144.648) |
| Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định | 22 | (41.645.021) | 254.004.528 |
| Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác | 25 | - | (17.000.000.000) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | (63.536.401.090) | (38.656.140.120) |
| III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH | | | |
| Nhận vốn vay ngắn hạn và dài hạn | 34 | 3.120.696.042.617 | 2.116.993.873.005 |
| Trả gốc vay ngắn hạn và dài hạn | 35 | (3.408.634.230.609) | (1.755.044.568.718) |
| Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | 36 | (4.031.800.000) | (24.837.520.000) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | (291.969.987.992) | 337.111.784.287 |
| Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40) | 50 | 30.383.446.473 | (38.099.103.942) |
| Tiền tồn đầu năm | 60 | 81.726.970.448 | 119.826.074.390 |
| Tiền tồn cuối năm (70=50+60) | 70 | 112.110.416.921 | 81.726.970.448 |

V. Các công ty con và công ty liên quan:

PLC là thành viên trực thuộc Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam. Tỷ lệ sở hữu của Petrolimex với PLC hiện tại là 79,06%.

Công ty có 2 Công ty con là Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex và Công ty TNHH Hóa chất Petrolimex do PLC sở hữu 100% Vốn điều lệ.

1. Hoạt động kinh doanh của 2 Công ty con:

+ Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex:

Kinh doanh, xuất nhập khẩu Nhựa đường và các sản phẩm khác thuộc lĩnh vực Nhựa đường;

Kinh doanh các dịch vụ có liên quan đến lĩnh vực Nhựa đường: vận tải thuê, cho thuê kho bãi, pha chế thuê, phân tích thử nghiệm, tư vấn và dịch vụ kỹ thuật.

+ Công ty TNHH Hóa chất Petrolimex:

Kinh doanh, xuất nhập khẩu Dung môi, Hóa chất, Cao su tự nhiên, Cao su tổng hợp và các sản phẩm khác thuộc lĩnh vực Dung môi, Hóa chất, Cao su tự nhiên, Cao su tổng hợp;

Kinh doanh các dịch vụ có liên quan đến lĩnh vực Dung môi, Hóa chất, Cao su tự nhiên, Cao su tổng hợp; vận tải thuê, cho thuê kho bãi, phân tích thử nghiệm, tư vấn và dịch vụ kỹ thuật.

2. Kết quả kinh doanh:

(ĐVT: 1.000 đồng)

| Chỉ tiêu | Cty TNHH Hóa chất | Cty TNHH Nhựa đường |
|----------------------|-------------------|---------------------|
| Doanh thu thuần | 899.213.349 | 1.529.237.670 |
| Lợi nhuận HĐSXKD | 24.148.186 | 84.564.977 |
| DT từ HĐ đầu tư | 1.252.550 | 6.444.155 |
| Lãi/(Lỗ) khác | 326.414 | 605.713 |
| Chi phí tài chính | 20.606.499 | 41.525.270 |
| Lợi nhuận trước thuế | 5.120.650 | 50.089.576 |
| Lợi nhuận sau thuế | 5.120.650 | 41.323.900 |

VI. Tổ chức và nhân sự:

1. Cơ cấu tổ chức của Công ty

a. Cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành của Công ty mẹ (PLC):

+ **Đại hội đồng cổ đông:** Bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty, được tổ chức và hoạt động theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty.

+ **Hội đồng quản trị:** Là cơ quan quản lý Công ty do ĐHĐCĐ bầu ra, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề quan trọng liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ. HĐQT có quyền và nghĩa vụ giám sát TGD điều hành và những người quản lý khác trong Công ty. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT do Pháp luật và Điều lệ Công ty, các Quy chế nội bộ của Công ty và Nghị quyết ĐHĐCĐ quy định.

+ **Ban kiểm soát:** Là cơ quan do ĐHĐCĐ bầu ra, có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong hoạt động quản lý của HĐQT, hoạt động điều hành kinh doanh của TGD; trong ghi chép sổ kế toán và báo cáo tài chính. Ban kiểm soát hoạt động độc lập với HĐQT và TGD.

+ **Tổng Giám đốc:** TGD là người điều hành, quyết định các vấn đề liên quan đến hoạt động hàng ngày của Công ty, chịu trách nhiệm trước HĐQT về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao. Các Phó TGD giúp việc TGD và chịu trách nhiệm trước TGD về các nội dung công việc được phân công, chủ động giải quyết những công việc được Tổng giám đốc ủy quyền theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty.

+ Các phòng nghiệp vụ Công ty mẹ:

- **Phòng Tổ chức Hành chính:** có chức năng tham mưu giúp TGD Công ty chỉ đạo và tổ chức thực hiện các công tác: xây dựng chiến lược, chính sách kinh doanh, tổ chức bộ máy, cán bộ; tuyển dụng, đào tạo, phát triển nguồn nhân lực; lao động tiền lương, thi đua, khen thưởng, kỷ luật; an toàn - bảo hộ lao động, thực hiện chế độ chính sách với NLD; pháp chế, kiểm tra; quản trị hành chính Văn phòng Công ty...
- **Phòng Tài chính Kế toán:** có chức năng tham mưu giúp TGD Công ty chỉ đạo và tổ chức thực hiện công tác Tài chính, công tác Kế toán trên phạm vi toàn Công ty.
- **Phòng Kỹ thuật:** có chức năng tham mưu giúp TGD Công ty chỉ đạo và tổ chức thực hiện các công tác: xây dựng quy hoạch, kế hoạch dài hạn, trung hạn, hàng năm về đầu tư CSVCKT; quản lý đầu tư xây dựng cơ bản; quản lý khai thác hệ thống CSVCKT; quản lý kỹ thuật an toàn, phòng cháy chữa cháy, phòng chống bão lụt, bảo vệ môi trường; quản lý các định mức kinh tế - kỹ thuật,...
- **Phòng Đảm bảo chất lượng:** có chức năng tham mưu giúp TGD Công ty chỉ đạo và tổ chức thực hiện các công tác: quản lý các phòng thử nghiệm; phối hợp thực hiện kiểm tra chất lượng nguyên vật liệu và sản phẩm hàng hóa; phối hợp thực hiện quản trị chất lượng sản phẩm; hướng dẫn, đào tạo sử dụng sản phẩm; giải quyết khiếu nại của khách hàng về chất lượng; công tác xây dựng, đánh

giá, duy trì, áp dụng Hệ thống chất lượng theo tiêu chuẩn quốc tế ISO 9001: 2000 của PLC ...

- **Phòng Công nghệ thông tin:** có chức năng tham mưu giúp TGD Công ty chỉ đạo và tổ chức thực hiện các hoạt động thuộc các công tác: tin học, tự động hóa và điện tử viễn thông.
- **Phòng Đảm bảo dầu mỡ nhờn:** có chức năng tham mưu giúp TGD Công ty chỉ đạo và tổ chức thực hiện các công tác: nhập khẩu, nhập mua; công tác xuất khẩu, tạm nhập tái xuất, chuyển khẩu nguyên vật liệu, bao bì, vật tư có liên quan, sản phẩm DMN; công tác sản xuất; công tác xuất bán trong nước theo các hợp đồng pha chế thuê, hợp đồng dịch vụ khác; công tác điều độ, vận tải và các công tác đảm bảo khác; công tác quản lý, theo dõi tổng hợp và thực hiện gia công các vật phẩm, ấn phẩm, Video clip quảng cáo phục vụ kinh doanh DMN, khuếch trương thương hiệu PETROLIMEX - PLC ...
- **Các Phòng Kinh doanh Dầu mỡ nhờn:** có chức năng tham mưu giúp TGD Công ty chỉ đạo và tổ chức thực hiện các hoạt động kinh doanh DMN theo nhóm sản phẩm và theo nhóm khách hàng, bao gồm các phòng: Phòng KD DMN Tổng đại lý, Phòng KD DMN Công nghiệp, Phòng KD DMN Lon hộp.
- Kể từ ngày 01/01/2010, Công ty đã quyết định Tạm thời sáp nhập Phòng Kinh doanh dầu mỡ nhờn Hàng hải Công ty vào Phòng Đảm bảo dầu mỡ nhờn Công ty trên cơ sở chuyển giao chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tài sản, lao động, khách hàng, thị trường, các hồ sơ, tài liệu... có liên quan của Phòng Kinh doanh dầu mỡ nhờn Hàng hải về Phòng Đảm bảo dầu mỡ nhờn Công ty trực tiếp quản lý.

+ Các đơn vị trực thuộc Công ty mẹ:

- **Các Chi nhánh Hóa dầu:** có chức năng trực tiếp tổ chức thực hiện hoạt động kinh doanh DMN tại các thị trường được phân công, bao gồm: Chi nhánh Hóa dầu Hải Phòng, Chi nhánh Hóa dầu Đà Nẵng, Chi nhánh Hóa dầu Sài Gòn, Chi nhánh Hóa dầu Cần Thơ.
- **Các Nhà máy Dầu nhờn:** có chức năng tổ chức thực hiện các hoạt động sản xuất, đảm bảo nguồn hàng cho ngành hàng Dầu mỡ nhờn (tiếp nhận, pha chế, tồn chứa bảo quản, xuất cấp, giao nhận, vận chuyển...); các hoạt động quản lý, khai thác sử dụng CSVCKT, nguyên vật liệu, vật tư, công cụ lao động và lao động tại các nhà máy, bao gồm: Nhà máy dầu nhờn Thượng Lý - Hải Phòng, Nhà máy dầu nhờn Nhà Bè - TP. Hồ Chí Minh.
- **Kho Dầu nhờn Đức Giang:** có chức năng tổ chức thực hiện các hoạt động tiếp nhận, tồn chứa, bảo quản, xuất cấp Dầu mỡ nhờn, Dung môi Hóa chất; các hoạt động quản lý, khai thác sử dụng CSVCKT, vật tư, công cụ lao động và lao động tại Kho.

b Cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành của công ty con là Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex:

- *Mô hình tổ chức:*

Cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành:

+ **Chủ tịch công ty:** là người đại diện của PLC để quản lý Công ty và chịu trách nhiệm trước PLC về sự phát triển của Công ty theo các mục tiêu được PLC giao. Quyền hạn và nghĩa vụ của Chủ tịch công ty được quy định trong Điều lệ công ty.

+ **Giám đốc công ty:** là người trực tiếp điều hành mọi hoạt động hàng ngày của Công ty, chịu trách nhiệm trước HĐQT PLC, Chủ tịch công ty về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Giám đốc công ty được quy định trong Điều lệ công ty.

+ **Các phòng nghiệp vụ Công ty:**

▪ **Phòng Tổ chức hành chính:** có chức năng tham mưu giúp Giám đốc Công ty chỉ đạo và tổ chức thực hiện các công tác: tổ chức bộ máy, cán bộ, tuyển dụng, đào tạo, phát triển nguồn nhân lực; lao động tiền lương, thi đua khen thưởng, kỷ luật; an toàn - bảo hộ lao động, thực hiện chế độ chính sách với NLD; pháp chế, kiểm tra; công tác quản trị hành chính văn phòng Công ty; tổng hợp thông tin - báo cáo; quảng cáo, thông tin tuyên truyền...

▪ **Phòng Tài chính Kế toán:** có chức năng tham mưu giúp Giám đốc Công ty chỉ đạo và tổ chức thực hiện công tác Tài chính, công tác Kế toán trên toàn Công ty.

▪ **Phòng Kỹ thuật:** có chức năng tham mưu giúp Giám đốc Công ty chỉ đạo và tổ chức thực hiện các công tác: Xây dựng kế hoạch dài hạn, trung hạn, hàng năm về đầu tư CSVCKT; quản lý đầu tư xây dựng cơ bản theo Điều lệ Công ty và theo phân cấp của HĐQT PLC; quản lý khai thác hệ thống CSVCKT; quản lý kỹ thuật an toàn, phòng cháy chữa cháy, phòng chống bão lụt, bảo vệ môi trường; quản lý các định mức kinh tế kỹ thuật,...

▪ **Phòng Đảm bảo nhựa đường:** có chức năng tham mưu giúp Giám đốc Công ty chỉ đạo và tổ chức thực hiện công tác: xuất, nhập khẩu nguyên vật liệu, sản phẩm Nhựa đường; công tác sản xuất; công tác vận tải và các công tác đảm bảo khác.

▪ **Phòng Kinh doanh nhựa đường:** có chức năng tham mưu giúp Giám đốc Công ty chỉ đạo các hoạt động kinh doanh Nhựa đường toàn Công ty và trực tiếp tổ chức thực hiện kinh doanh Nhựa đường tại các thị trường được phân công.

+ **Các đơn vị trực thuộc:**

▪ **Các Chi nhánh trực thuộc:** có chức năng trực tiếp tổ chức thực hiện hoạt động kinh doanh Nhựa đường tại các thị trường được phân công, bao gồm: Chi nhánh Nhựa đường Hải Phòng, Chi nhánh Nhựa đường Đà Nẵng, Chi nhánh Nhựa đường Bình Định, Chi nhánh Nhựa đường Sài Gòn, Chi nhánh Nhựa đường Cần Thơ.

- **Các Kho trực thuộc:** có chức năng tổ chức thực hiện các hoạt động sản xuất, đảm bảo nguồn hàng cho ngành hàng Nhựa đường; các hoạt động quản lý, khai thác sử dụng CSVCKT, nguyên vật liệu, vật tư, công cụ lao động và lao động tại Kho, bao gồm: Kho Nhựa đường Thượng Lý - Hải Phòng, Kho Nhựa đường Nại Hiên - Đà Nẵng, Kho Nhựa đường Quy Nhơn - Bình Định, Kho Nhựa đường Nhà Bè - TP. Hồ Chí Minh, Kho Nhựa đường Trà Nóc - Cần Thơ.

b. Cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành của Công ty con là TNHH Hóa chất Petrolimex:

- *Mô hình tổ chức:*

Cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành:

+ **Chủ tịch công ty:** là người đại diện của PLC để quản lý Công ty và chịu trách nhiệm trước PLC về sự phát triển của Công ty theo các mục tiêu được PLC giao. Quyền hạn và nghĩa vụ của Chủ tịch công ty được quy định trong Điều lệ công ty.

+ **Giám đốc công ty:** là người trực tiếp điều hành mọi hoạt động hàng ngày của Công ty, chịu trách nhiệm trước HĐQT PLC, Chủ tịch công ty về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Giám đốc công ty được quy định trong Điều lệ công ty.

+ **Các phòng nghiệp vụ Công ty:**

- **Phòng Tổ chức hành chính:** có chức năng tham mưu giúp Giám đốc Công ty chỉ đạo và tổ chức thực hiện công tác: tổ chức bộ máy, cán bộ, tuyển dụng, đào tạo, phát triển nguồn nhân lực; lao động tiền lương, thi đua khen thưởng, kỷ luật, an toàn - bảo hộ lao động, thực hiện chế độ chính sách với NLĐ; pháp chế, kiểm tra, quản trị hành chính Văn phòng công ty; tổng hợp thông tin - báo cáo; quảng cáo - thông tin tuyên truyền...

- **Phòng Tài chính Kế toán:** có chức năng tham mưu giúp Giám đốc Công ty chỉ đạo & tổ chức thực hiện công tác Tài chính, công tác Kế toán trên phạm vi toàn Công ty.

- **Phòng Kỹ thuật:** có chức năng tham mưu giúp Giám đốc Công ty chỉ đạo và tổ chức thực hiện các công tác: Xây dựng kế hoạch dài hạn, trung hạn, hàng năm về đầu tư CSVCKT; quản lý đầu tư xây dựng cơ bản theo Điều lệ Công ty và theo phân cấp của HĐQT PLC; quản lý khai thác hệ thống CSVCKT; quản lý kỹ thuật an toàn, phòng cháy chữa cháy, phòng chống bão lụt, bảo vệ môi trường; quản lý các định mức kinh tế kỹ thuật,...

- **Phòng Kinh doanh Hóa chất:** có chức năng tham mưu giúp Giám đốc Công ty chỉ đạo và tổ chức thực hiện: công tác xuất nhập khẩu sản phẩm, hàng hóa Hóa chất; công tác sản xuất, công tác vận tải và công tác đảm bảo Hóa chất khác; hoạt động kinh doanh Hóa chất toàn công ty và trực tiếp tổ chức kinh doanh Hóa chất tại các thị trường được phân công.

+ **Các đơn vị trực thuộc:**

- **Chi nhánh Hóa chất Sài Gòn:** có chức năng trực tiếp tổ chức thực hiện kinh doanh Hóa chất tại thị trường TP. Hồ Chí Minh và các tỉnh phía Nam.
- **Các Kho trực thuộc:** có chức năng tổ chức thực hiện các hoạt động đảm bảo nguồn hàng cho ngành hàng Hóa chất; các hoạt động quản lý, khai thác sử dụng CSVCKT, vật tư, công cụ lao động và lao động tại Kho, bao gồm: Kho Hóa chất Thượng Lý - Hải Phòng, Kho Hóa chất Nhà Bè - TP. Hồ Chí Minh.

2. Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động:

a. Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động báo cáo hợp nhất 3 công ty:

- Lao động có mặt đầu năm: 574; lao động tăng trong: 80; lao động giảm trong năm: 47; lao động cuối năm: 607. Năm 2009 tăng là 33 lao động.
- Lao động có mặt đến 31/12/2009 của toàn công ty là: 607, Số lao động cuối năm của các Công ty là:
 - + Công ty PLC: 326
 - + Công ty Nhựa đường: 192
 - + Công ty Hóa chất: 89
- Về trình độ đào tạo:
 - + Trên Đại học: 27;
 - + Đại học: 279;
 - + Cao đẳng: 57;
 - + Trung cấp: 57;
 - + Công nhân kỹ thuật: 215;
- Về hợp đồng lao động:
 - + Không xác định thời hạn: 406;
 - + Hợp đồng lao động xác định thời hạn từ 01-03 năm: 137;
 - + Hợp đồng lao động xác định thời hạn dưới 01 năm: 21;
 - + Hợp đồng lao động khoán gọn, thời vụ: 43.

b. Chính sách:

- Công ty tiếp tục hoàn thiện các Quy chế, quy định quản lý nội bộ làm cơ sở cho các đơn vị tổ chức hoạt động SXKD theo đúng định hướng chiến lược phát triển công ty, phân định trách nhiệm quyền hạn ngày càng được minh bạch rõ ràng hơn.

Công ty đã xây dựng lại các quy chế, quy định mới về các nội dung, phương thức quản lý và các định mức kinh tế kỹ thuật ở một số lĩnh vực đang trong giai đoạn điều chỉnh, bổ sung mới cho phù hợp với điều kiện chuyển đổi mô hình tổ chức;

- Công ty luôn chủ trương sử dụng lao động tiết kiệm, hiệu quả. Phát triển nguồn nhân lực có tính kế thừa và đảm bảo cơ cấu lao động hợp lý theo hướng từng bước bổ sung lao động đáp ứng tiêu chuẩn về trình độ chuyên môn, kỹ năng làm việc. Tăng cường đội ngũ tiếp thị bán hàng, nâng cao năng lực đội ngũ lao động quản lý. Vì vậy, chất lượng nguồn nhân lực đang được nâng cao cả về trình độ chuyên môn và tính chuyên nghiệp trong công việc. Lao động có trình độ cao đẳng, đại học và trên đại học chiếm trên 50 % tổng số lao động toàn Công ty.
- Mức thu nhập bình quân của NLD trong Công ty năm 2009 đạt 10,061,000 đ/người/tháng. Công ty chủ trương lấy tiền lương làm động lực cơ bản thúc đẩy người lao động làm việc hiệu quả, tiết kiệm chi phí sản xuất kinh doanh, bán hàng tốt, đảm bảo mục tiêu lợi nhuận. Thực hiện đầy đủ các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thân thể, khám sức khỏe định kỳ và các chế độ chính sách cho NLD theo Thỏa ước lao động tập thể.
- Tăng cường các biện pháp cải thiện điều kiện làm việc, nâng cao đời sống vật chất và văn hóa tinh thần, xây dựng và củng cố văn hóa doanh nghiệp của Công ty, tạo động lực tốt cho NLD làm việc tích cực, ổn định gắn bó vì sự phát triển của Công ty.
- Tổ chức thực hiện tốt công tác An toàn bảo hộ lao động, PCCN. Năm 2009 Công ty đảm bảo an toàn tuyệt đối, không xảy ra vụ tai nạn lao động nào.

3. Những thông tin liên quan về tổ chức và nhân sự chủ chốt (đến 31/12/2009):

3.1. Tóm tắt lý lịch của các cá nhân trong Ban điều hành

3.1.1. Hội đồng quản trị

- Chủ tịch HĐQT: Ông Nguyễn Thanh Sơn
- Ủy viên HĐQT:
 - Ông Nguyễn Văn Đức
 - Ông Vũ Văn Chiến
 - Ông Hà Thanh Tuấn
 - Ông Nguyễn Văn Khánh

3.1.2. Ban kiểm soát

- Trưởng ban kiểm soát: Bà Trần Thị Minh Hà
- Thành viên ban kiểm soát:
 - Bà Hà Thị Cúc
 - Ông Tống Văn Hải

3.1.3. Ban Tổng giám đốc

- Tổng giám đốc: Ông Nguyễn Văn Đức
- Phó Tổng giám đốc: Bà Trương Thị Quỳnh Giang

3.1.4. Kế toán trưởng: Ông Ngô Đức Giang

3.2. Lý lịch cá nhân các thành viên thuộc Ban lãnh đạo PLC

3.2.1. Ông Nguyễn Văn Đức:

Giới tính : Nam

Ngày, tháng, năm sinh: 10/10/1960

Nơi sinh : Hải Dương

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Quê quán : Phú Thù, Kinh Môn, Hải Dương

Địa chỉ thường trú : Tập thể Công ty xăng dầu Khu vực I, Đức Giang, Long Biên, Hà Nội

Điện thoại cơ quan : 84-4-38513205

Trình độ văn hoá : 10/10

Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ Quản trị kinh doanh, Kỹ sư hóa dầu, Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác:

- 10/1978 - 06/1983 : Sinh viên khoa hoá Trường đại học Bách khoa Hà Nội
- 07/1983 - 11/1983 : Tốt nghiệp đại học, chờ phân công công tác
- 12/1983 - 07/1987 : Công tác tại Phòng kỹ thuật Công ty xăng dầu khu vực I
- 08/1987- 08/1989 : Phó trưởng Phòng kỹ thuật xăng dầu Công ty xăng dầu khu vực I
- 09/1989 - 03/1991 : Quản đốc Xưởng lọc dầu Công ty xăng dầu khu vực I
- 03/1991 - 09/1992 : Quyền Giám đốc Xí nghiệp sản xuất mỡ nhờn và tái sinh
- 10/1992 - 05/1993 : Giám đốc Tổng kho xăng dầu Đức Giang, Công ty xăng dầu khu vực I
- 06/1993 - 06/1995 : Học đại học Chính trị hệ chính qui tại Phân viện Hà Nội, Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh
- 07/1995 - 05/1998 : Phó giám đốc Công ty Dầu nhờn Tổng công ty xăng dầu Việt Nam
- 06/1998 - 02/2000 : Phó giám đốc Công ty Dầu nhờn, trực tiếp làm Giám đốc Chi nhánh dầu nhờn TP. Hồ Chí Minh
- 03/2000 - 01/2004 : Giám đốc Công ty Hoá dầu

▪ 02/2004 đến nay : TGD Công ty CP Hóa dầu Petrolimex

Chức vụ công tác hiện nay : Ủy viên Hội đồng quản trị Công ty CP Hóa dầu Petrolimex kiêm TGD Công ty CP Hóa dầu Petrolimex.

Hành vi vi phạm pháp luật : Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không

3.2.2. Ông Vũ Văn Chiến:

Giới tính : Nam

Ngày, tháng, năm sinh: 21/04/1961

Nơi sinh : Nam Định

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Quê quán : Phương Định, Trực Ninh, Nam Định

Địa chỉ thường trú : B2, F4, Tổ 111, Hoàng Cầu, Ô chợ dừa, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại cơ quan : 84-4-35119383

Trình độ văn hoá : 10/10

Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ Quản trị kinh doanh, Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác :

- 09/1979 - 09/1983 : Sinh viên ngành Kế toán thương nghiệp Trường đại học Tài chính kế toán
- 10/1983 - 04/1984 : Tốt nghiệp Đại học, chờ phân công công tác
- 05/1984 - 07/1994 : Chuyên viên Phòng Kế toán tài vụ Tổng công ty xăng dầu
- 08/1994 - 12/1994 : Phó trưởng Phòng Kế toán tài vụ Tổng công ty xăng dầu
- 01/1995 - 12/1996 : Phó trưởng Phòng Kinh doanh Tổng công ty xăng dầu Việt Nam
- 01/1997 - 06/2002 : Trưởng phòng Tài chính Tổng công ty xăng dầu Việt Nam
- 07/2002 - 03/2003 : Phó trưởng phòng Tài chính - Kế toán Tổng công ty xăng dầu Việt Nam

- 04/2003 - 01/2004 : Phó Giám đốc Công ty Hóa dầu
- 02/2004 - 12/2005 : Phó TGD Công ty CP Hoá dầu Petrolimex
- 01/2006 đến nay : Trực tiếp làm Giám đốc Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex.

Chức vụ công tác hiện nay : Ủy viên Hội đồng quản trị Công ty CP Hoá dầu Petrolimex, trực tiếp làm Chủ tịch kiêm Giám đốc Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex.

Hành vi vi phạm pháp luật : Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không

3.2.3. Ông Nguyễn Thanh Sơn:

Giới tính : Nam

Ngày, tháng, năm sinh: 13/07/1962

Nơi sinh : Hà Nội

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Quê quán : Ninh Hiệp, Gia Lâm, Hà Nội

Địa chỉ thường trú : Số nhà 32 phố Lãn Ông, phường Hàng Bồ, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại cơ quan : 84-4-38512603

Trình độ văn hoá : 10/10

Trình độ chuyên môn : Thạc sĩ kinh tế, Cử nhân Kinh tế kế hoạch, Cử nhân Kinh tế Ngoại thương

Quá trình công tác :

- 09/1978 - 09/1982 : Sinh viên khoa Kế hoạch hoá, Trường đại học Kinh tế quốc dân Hà Nội
- 10/1982 - 02/1983 : Sĩ quan dự bị Học viện hậu cần - Bộ Quốc phòng
- 03/1983 - 06/1983 : Chờ phân công công tác
- 07/1983 - 08/1984 : Chuyên viên Phòng kế hoạch cung ứng Tổng công ty xăng dầu
- 09/1984 - 11/1984 : Học viên Trường Quân chính - Quân khu Thủ đô - Bộ Quốc phòng

- 12/1984 - 12/1987 : Trung úy, trợ lý Bộ tham mưu - Binh đoàn 12 Bộ Quốc phòng
 - 01/1988 - 05/1989 : Chuyên viên Ban Thanh tra Tổng công ty xăng dầu
 - 06/1989 - 07/1991 : Trưởng phòng Kế hoạch Công ty Xăng dầu Bắc Thái
 - 08/1991 - 03/1997 : Phó giám đốc Công ty Xăng dầu Bắc Thái
 - 04/1997 - 09/2002 : Trưởng phòng Tổ chức hành chính Công ty Hóa dầu - Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam
 - 10/2002 - 01/2004 : Phó giám đốc Công ty Hoá dầu
 - 02/2004 - 04/2004 : Ủy viên HĐQT, Phó TGD Công ty cổ phần Hóa dầu Petrolimex
 - 05/2004 đến 8/2008 : Trưởng phòng Tổ chức cán bộ Tổng công ty Xăng dầu Việt Nam
 - 9/2008 đến nay: Ủy viên Hội đồng quản trị chuyên trách Tổng công ty Xăng dầu Việt Nam.
 - 02/2004 - 10/05/2009: Ủy viên HĐQT Công ty cổ phần Hóa dầu Petrolimex
 - 11/05/2009 - nay: Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Hóa dầu Petrolimex
- Chức vụ công tác hiện nay : Ủy viên Hội đồng quản trị chuyên trách Tổng công ty Xăng dầu Việt Nam; Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Hóa dầu Petrolimex.

Hành vi vi phạm pháp luật : Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không

3.2.4. Ông Hà Thanh Tuấn:

Giới tính : Nam

Ngày, tháng, năm sinh: 20/05/1963

Nơi sinh : Hà Nội

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Quê quán : Tân Trung, Tân Yên, Bắc Giang

Địa chỉ thường trú : P 304 - TT Xăng dầu, Đồng Nhân, Hai Bà Trưng, Hà Nội

Điện thoại : 84-4-38513210

Trình độ văn hoá : 10/10

Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ Quản trị kinh doanh, Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác :

- 09/1982 - 09/1986 : Sinh viên ngành Kế toán công nghiệp Trường đại học Tài chính kế toán
- 10/1986 - 05/1987 : Tốt nghiệp Đại học, chờ phân công công tác
- 06/1987 - 05/1989 : Chuyên viên Phòng Tài chính Kế toán Công ty xăng dầu B12 Tổng công ty xăng dầu
- 06/1989 - 03/1993 : Chuyên viên Phòng Tài chính Kế toán Tổng công ty xăng dầu Việt Nam
- 04/1993 - 08/1994 : Phó trưởng phòng phụ trách Phòng Tài chính Kế toán Công ty vận tải xăng dầu đường thuỷ I
- 09/1994 - 09/2000 : Phó trưởng Phòng Tài chính Kế toán Công ty Hóa dầu Petrolimex
- 10/2000 - 04/2002 : Trưởng phòng Tài chính Kế toán Công ty Hóa dầu Petrolimex
- 05/2002 - 01/2004 : Kế toán trưởng Công ty Hóa dầu
- 02/2004 - 12/2005 : Kế toán trưởng Công ty CP Hoá dầu Petrolimex
- 01/2006 đến nay : Trực tiếp làm Giám đốc Công ty TNHH Hoá chất Petrolimex

Chức vụ công tác hiện nay: Ủy viên Hội đồng quản trị Công ty CP Hoá dầu Petrolimex, trực tiếp làm Chủ tịch kiêm Giám đốc Công ty TNHH Hoá chất Petrolimex.

Hành vi vi phạm pháp luật : Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không

3.2.5. Nguyễn Văn Khánh:

Giới tính : Nam

Ngày, tháng, năm sinh : 15/11/1960

Nơi sinh :

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Quê quán : Vĩnh Trường, Thành phố Nha Trang, Khánh Hòa

Địa chỉ thường trú :

Điện thoại cơ quan :

Trình độ văn hoá : 10/10

Trình độ chuyên môn : Kỹ sư máy hóa

Quá trình công tác :

- 11/1978 - 05/1982: Bộ đội - Bộ tư lệnh quân chủng Không quân.
- 06/1982 - 10/1986: Sinh viên khoa Hóa - Trường đại học Bách khoa Hà Nội.
- 11/1986 - 02/1988: Kỹ sư máy hóa - Phân viện Khoa học Việt Nam.
- 03/1988 - 08/1989: Chuyên viên phòng Kỹ thuật xăng dầu-Tổng công ty xăng dầu Việt Nam.
- 09/1989 - 11/1992: Chuyên viên phòng Nghiên cứu khoa học - Tổng công ty xăng dầu Việt Nam.
- 12/1992 -11/1993: Chuyên viên phòng Quản lý kỹ thuật - Tổng công ty xăng dầu Việt Nam.
- 12/1993 : Chuyên viên phòng Công nghệ đầu tư -Tổng công ty xăng dầu Việt Nam.
- 01/1994 - 01/1995: Phó trưởng phòng Kinh doanh Gas - Tổng công ty xăng dầu Việt Nam
- 02/1995 - 01/1999: Trưởng phòng Kinh doanh Gas - Tổng công ty xăng dầu Việt Nam
- 02/1999 - 06/2002: Phó trưởng phòng Công nghệ phát triển-Tổng công ty xăng dầu Việt Nam
- 07/2002 - 03/2006: Phó trưởng phòng Công nghệ đầu tư - Tổng công ty xăng dầu Việt Nam.
- 04/2006 - 10/2007: Ủy viên HĐQT kiêm Phó tổng giám đốc Công ty liên doanh TNHH Kho xăng dầu ngoại quan Vân Phong.
- 11/2007-12/2007: Phó trưởng phòng Công nghệ đầu tư - Tổng công ty xăng dầu Việt Nam
- 01/2008 đến nay: Trưởng ban Lọc hóa dầu - Tổng công ty xăng dầu Việt Nam.

Chức vụ công tác hiện nay : Ủy viên Hội đồng quản trị Công ty CP Hoá dầu Petrolimex, Trưởng ban Lọc hóa dầu - Tổng công ty xăng dầu Việt Nam.

Hành vi vi phạm pháp luật : Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không

3.2.6. Trần Thị Minh Hà

Giới tính : Nữ

Ngày, tháng, năm sinh : 13/10/1962

Nơi sinh : Hà Nội

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Quê quán : Kim Ngưu, Khoái châu, Hưng Yên

Địa chỉ thường trú : B13 tổ 111 Hoàng Cầu, phường Ô Chợ Dừa, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại cơ quan : 84-4-38513205

Trình độ văn hóa : 10/10

Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế chuyên ngành kế toán

Quá trình công tác :

- 09/1980 - 1983: Học viên trường trung học kinh tế kỹ thuật Hà Nội.
- 04/1984 - 06/1992: Nhân viên kế toán - Phòng kế toán tài vụ - Công ty cơ khí thủy sản.
- 07/1992 - 07/1994: Chuyên viên kế toán - Công ty cơ khí thủy sản.
- 08/1994 - 07/2000: Chuyên viên kế toán - Phòng TCKT Công ty Dầu nhờn.
- 08/2000 - 10/05/2009: Phó phòng Tài chính kế toán Công ty CP Hóa dầu Petrolimex.
- 11/05/2009 - nay: Trưởng Ban kiểm soát chuyên trách Công ty CP Hoá dầu Petrolimex

Chức vụ công tác hiện nay : Trưởng Ban kiểm soát chuyên trách Công ty CP Hoá dầu Petrolimex.

Hành vi vi phạm pháp luật : Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không

3.2.7. Bà Hà Thị Cúc:

Giới tính : Nữ
Ngày, tháng, năm sinh : 16/04/1959
Nơi sinh : Cao Bằng
Quốc tịch : Việt Nam
Dân tộc : Tày
Quê quán : Xã Nông Thịnh, huyện Chợ Mới, tỉnh Bắc Kạn
Địa chỉ thường trú : 35/92/18 Phố Cát Linh, quận Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại cơ quan : 84-4-8513205
Trình độ văn hóa : 10/10
Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ Quản trị kinh doanh, Cử nhân kinh tế
Quá trình công tác :

- 09/1976 - 09/1980 : Sinh viên khoa Kinh tế lao động, Trường đại học kinh tế quốc dân Hà Nội
- 10/1980 - 02/1981 : Sĩ quan dự bị Học viện hậu cần, Bộ Quốc phòng
- 03/1981 - 04/1987 : Chuyên viên Phòng Tổ chức - LĐTL Công ty Xăng dầu khu vực I
- 05/1987 - 01/1988 : Chuyển công tác sang Liên hiệp xuất nhập khẩu Hà Nội
- 02/1988 - 08/1995 : Chuyên viên Phòng Tổ chức - LĐTL Công ty Xăng dầu khu vực I
- 09/1995 - 01/1996 : Trưởng phòng Tổ chức hành chính, Xí nghiệp cơ khí, Công ty Xăng dầu khu vực I
- 02/1996 - 02/1997 : Trưởng phòng Tổ chức hành chính, Trung tâm dịch vụ khách sạn và du lịch, Tổng công ty Xăng dầu Việt Nam
- 03/1997 - 09/2002 : Phó phòng Tổ chức hành chính, Công ty Dầu nhờn
- 10/2002 - 02/2003 : Phó trưởng phòng Phụ trách phòng Tổ chức hành chính, Công ty Hoá dầu
- 02/2003 - 02/2004: Trưởng phòng Tổ chức Hành chính, Công ty Hoá dầu
- 03/2004 - 30/05/2009: Trưởng phòng Tổ chức Hành chính, Công ty CP Hoá dầu Petrolimex
- 01/06/2009: Trưởng Ban Tổng hợp HĐQT Công ty CP Hóa dầu Petrolimex

Chức vụ công tác hiện nay : Thành viên Ban Kiểm soát Công ty CP Hóa dầu Petrolimex, Trưởng Ban Tổng hợp HĐQT Công ty CP Hóa dầu Petrolimex

Hành vi vi phạm pháp luật : Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không

3.2.8. Tống Văn Hải

Giới tính : Nam

Ngày, tháng, năm sinh : 10/06/1980

Nơi sinh : Nam Định

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Quê quán : Yên Thắng, Ý Yên, Nam Định

Địa chỉ thường trú : Xóm Thượng, Thanh Liệt, Thanh Trì - Hà Nội

Điện thoại cơ quan : 84-4-38513205

Trình độ văn hóa : 12/12

Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kinh tế, chuyên ngành Tài chính ngân hàng

Quá trình công tác :

- 09/1998 - 06/2002: Sinh viên Học viện Tài chính Kế toán Hà Nội
- 07/2002 - 03/2003: Chuyên viên Kế toán - Doanh nghiệp tư nhân Quốc Đạt
- 04/2003 - 06/2004: Chuyên viên Kế toán - Công ty phát triển công nghệ - Viện cơ học
- 12/2004 - 02/2006: Chuyên viên kế toán-Phòng TCKT- Công ty CP Hóa dầu Petrolimex
- 03/2006 - 10/05/2009: Chuyên viên kế toán - Phòng TCKT- Công ty TNHH Hóa chất Petrolimex
- 11/05/2009 đến nay : Ủy viên chuyên trách Ban Kiểm soát Công ty CP Hóa dầu Petrolimex.

Chức vụ công tác hiện nay : Ủy viên chuyên trách Ban Kiểm soát Công ty CP Hóa dầu Petrolimex.

Hành vi vi phạm pháp luật : Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không

3.2.9. Ông Ngô Đức Giang:

- Giới tính : Nam.
- Ngày, tháng, năm sinh : 17/08/1965
- Nơi sinh : Nam Định.
- Quốc tịch : Việt Nam.
- Dân tộc : Kinh.
- Quê quán : Xã Hải Phương, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.
- Địa chỉ thường trú : Phòng 504, khu tập thể công ty Nguyên liệu thức ăn chăn nuôi - nhà D7 - phường Phương Mai - quận Đống Đa - thành phố Hà Nội.
- Điện thoại cơ quan : 84-4-8513205
- Trình độ văn hoá : 10/10.
- Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ quản trị kinh doanh, Cử nhân Tài chính Kế toán.
- Quá trình công tác :
- 02/1988 - 04/1993 : Chuyên viên Phòng Kế toán Tài vụ - Tổng công ty Xăng dầu.
 - 04/1993 - 07/1994 : Công tác tại Xí nghiệp Kinh doanh vật tư khoa học kỹ thuật Hà Nội - Công ty Vật tư khoa học kỹ thuật.
 - 08/1994 - 05/1996 : Chuyên viên Phòng Kế toán Tài chính - Công ty Dầu nhờn.
 - 05/1996 - 08/1997 : Phó trưởng phòng Phụ trách phòng Kế toán Tài chính - Xí nghiệp Dầu nhờn Hà Nội.
 - 09/1997 - 02/2005 : Trưởng phòng Kế toán Tài chính - Xí nghiệp Dầu nhờn Hà Nội.
 - 03/2005 - 03/2005 : Phó Giám đốc Xí nghiệp dầu nhờn Hà Nội.
 - 04/2005 - 12/2005 : Quyền Giám đốc Xí nghiệp Dầu nhờn Hà Nội.
 - 01/2006 - 05/2008 : Trưởng phòng Tài chính Kế toán Công ty CP Hóa dầu Petrolimex.
 - 05/2008 đến nay: Kế toán trưởng Công ty CP Hóa dầu Petrolimex
- Chức vụ công tác hiện nay : Kế toán trưởng Công ty CP Hóa dầu Petrolimex.
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không.
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không.

3.3 - Thay đổi Tổng Giám đốc điều hành trong năm: không có sự thay đổi.

3.4. Thông tin về quyền lợi và thù lao (tiền lương, tiền thưởng và quyền lợi khác) của Ban Tổng Giám đốc/Ban Giám đốc điều hành và Kế toán trưởng:

Quyền lợi của Ban Tổng Giám đốc/Ban Giám đốc điều hành, Kế toán trưởng:

- Tiền lương, tiền thưởng và các thu nhập khác của Ban TGD/Ban Giám đốc điều hành & Kế toán trưởng Công ty được trả theo Quy chế tiền lương, tiền thưởng và các quy định của Công ty gắn với kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty; Tiền thưởng ban quản lý điều hành công ty từ lợi nhuận sau thuế được thực hiện theo Quy chế Tài chính của Công ty, các thu nhập khác theo quy định của công ty về chính sách đối với NLĐ;

- Tổng thu nhập của Ban TGD điều hành & Kế toán trưởng Công ty năm 2009: 4,673,403,371đ, trong đó mức thu nhập bình quân của các thành viên Ban GD điều hành năm 2009 là:

+ Ông Nguyễn Thanh Sơn - Chủ tịch HĐQT: tổng thù lao kiêm nhiệm và tiền thưởng Ban quản lý điều hành bình quân tại Công ty là 11,7 triệu đ/ tháng.

+ Ông Nguyễn Văn Đức - TGD Công ty: tổng thu nhập bình quân 77,2 triệu đ/ tháng, trong đó: tiền lương bình quân 52,4 triệu đ/tháng.

+ Ông Vũ Văn Chiến - Chủ tịch kiêm Giám Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex: tổng thu nhập bình quân 58,0 triệu đ/ tháng, trong đó: tiền lương bình quân 45,8 triệu đ/tháng.

+ Ông Hà Thanh Tuấn - Chủ tịch kiêm Giám Công ty TNHH Hóa chất Petrolimex: tổng thu nhập bình quân 48,8 triệu đ/ tháng, trong đó: tiền lương bình quân 37,3 triệu đ/tháng.

+ Ông Nguyễn Xuân Thắng - Phó GD Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex: tổng thu nhập bình quân 37 triệu đ/tháng, trong đó tiền lương bình quân 35,5 triệu đ/tháng.

+ Ông Vương Chí Năng - Phó GD Công ty TNHH Hóa chất Petrolimex: tổng thu nhập bình quân 29,1 triệu đ/tháng, trong đó tiền lương bình quân 28,2 triệu đ/tháng.

+ Ông Ngô Đức Giang - Kế toán trưởng Công ty CP hóa dầu Petrolimex: tổng thu nhập bình quân 37,2 triệu đ/tháng, trong đó: tiền lương bình quân 32,5 triệu đ/tháng.

+ Ông Lê Thế Anh - Kế toán trưởng Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex: tổng thu nhập bình quân 28,9 triệu đ/tháng, trong đó: tiền lương bình quân 27,6 triệu đ/tháng.

+ Bà Đỗ Thị Tuyền - Kế toán trưởng Công ty TNHH Hóa chất Petrolimex: tổng thu nhập bình quân 21,8 triệu đ/tháng, trong đó: tiền lương bình quân 21,1 triệu đ/tháng.

Thay đổi về HĐQT:

Kể từ ngày 11/05/2009, HĐQT nhiệm kỳ mới được ĐHĐCĐ Công ty bầu tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2008 gồm 05 thành viên:

0. Ông Nguyễn Thanh Sơn
0. Ông Nguyễn Văn Đức
0. Ông Vũ Văn Chiến
0. Ông Hà Thanh Tuấn
0. Ông Nguyễn Văn Khánh

Tại phiên họp đầu tiên của HĐQT, HĐQT đã thống nhất bầu ông Nguyễn Thanh Sơn giữ chức Chủ tịch HĐQT Công ty CP Hóa dầu Petrolimex nhiệm kỳ 2009 - 2013.

So với nhiệm kỳ 2004 - 2009, thành viên HĐQT của Công ty nhiệm kỳ 2009 - 2013 có 01 sự thay đổi như sau:

- Ông Nguyễn Quang Tuấn - UV HĐQT nhiệm kỳ 2004 - 2009 thôi giữ chức vụ UVHĐQT Công ty.
- Ông Nguyễn Văn Khánh - được ĐHĐCĐ thường niên năm 2008 bầu giữ chức UV HĐQT Công ty nhiệm kỳ 2009 - 2013.

Thay đổi về Ban Kiểm soát:

Kể từ ngày 11/05/2009, BKS nhiệm kỳ mới được ĐHĐCĐ Công ty bầu tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2008 gồm 03 thành viên:

0. Bà Trần Thị Minh Hà
0. Bà Hà Thị Cúc
0. Ông Tống Văn Hải

Tại phiên họp đầu tiên của BKS, BKS đã thống nhất bầu Bà Trần Thị Minh Hà giữ chức Trưởng Ban kiểm soát chuyên trách Công ty CP Hóa dầu Petrolimex nhiệm kỳ 2009 - 2013.

So với nhiệm kỳ 2004 - 2009, thành viên BKS của Công ty nhiệm kỳ 2009 - 2013 có 02 sự thay đổi như sau:

- Ông Trần Ngọc Năm – Trưởng Ban kiểm soát Công ty nhiệm kỳ 2004 - 2009 thôi giữ chức vụ Trưởng Ban kiểm soát.
- Bà Trần Thị Minh Hà – Phó phòng TCKT Công ty được ĐHĐCĐ thường niên năm 2008 bầu và BKS Công ty nhiệm kỳ 2009 – 2013 và được các Thành viên Ban Kiểm soát bầu giữ chức Trưởng Ban kiểm soát chuyên trách Công ty.
- Bà Đỗ Thị Tuyền - Thành viên Ban kiểm soát Công ty nhiệm kỳ 2004 - 2009 thôi giữ chức vụ Thành viên Ban kiểm soát.

- Ông Tổng Văn Hải - được ĐHCĐ thường niên năm 2008 bầu giữ chức UV BKS Công ty nhiệm kỳ 2009 - 2013 và được giao nhiệm vụ UV Ban kiểm soát chuyên trách Công ty.

3.3. Tỷ lệ sở hữu cổ phần của thành viên Ban điều hành, Kế toán trưởng và những người liên quan:

| STT | Họ và tên | Chức vụ | Số lượng cổ phiếu | Tỷ lệ sở hữu |
|-------------------|----------------------|---|-------------------|--------------|
| 1 | Ông Nguyễn Thanh Sơn | Chủ tịch HĐQT | 27.307 | 0,12% |
| | Bà Phạm Bích Ngọc | Vợ | 13.750 | 0,06% |
| 2 | Ông Nguyễn Văn Đức | Ủy viên HĐQT, kiêm TGD Công ty | 41.662 | 0,19% |
| 3 | Ông Vũ Văn Chiến | Ủy viên HĐQT, kiêm GD Công ty TNHH Nhựa đường | 40.957 | 0,18% |
| | Bà Ngô Thị Thuận | Vợ | 64.460 | 0,29% |
| 4 | Ông Hà Thanh Tuấn | Ủy viên HĐQT, kiêm GD Công ty TNHH Hóa chất | 26.303 | 0,12% |
| | Bà Trần Thị Thu | Vợ | 2.213 | 0,01% |
| 5 | Ông Nguyễn Văn Khánh | Ủy viên HĐQT | | |
| 6 | Bà Trần Thị Minh Hà | Trưởng BKS Công ty | | |
| 7 | Bà Hà Thị Cúc | Thành viên BKS Công ty | 9.982 | 0,05% |
| 8 | Ông Tổng Văn Hải | Thành viên BKS Công ty | 1.375 | 0,01% |
| 9 | Ông Ngô Đức Giang | Kế toán trưởng Công ty | 13.860 | 0,06% |
| Tổng cộng: | | | 241.869 | 1,09% |

VIII. Thông tin cổ đông và Quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát:

- Thành viên và cơ cấu của HĐQT, Ban kiểm soát (nêu rõ số thành viên độc lập không điều hành), thành viên và cơ cấu Hội đồng thành viên, Kiểm soát viên, Chủ tịch công ty:

+ HĐQT: 5 người, gồm 1 Chủ tịch HĐQT và 4 thành viên, trong đó có 02 thành viên độc lập không điều hành.;

+ Ban Kiểm soát: 3 người, 1 Trưởng ban và 2 thành viên, trong đó có 02 người là Thành viên độc lập không điều hành.

- Hoạt động của Ban Tổng hợp HĐQT: Ban Tổng hợp của HĐQT Công ty có Trưởng ban, các Phó ban để thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được giao HĐQT Công ty giao.

- Hoạt động của Ban kiểm soát/Kiểm soát viên:

+ Hoạt động của Ban kiểm soát:

- Tham gia đóng góp ý kiến vào các văn bản liên quan đến sửa đổi Điều lệ công ty theo Điều lệ mẫu áp dụng đối với công ty niêm yết và các qui định, qui chế quản lý nội bộ công ty theo đề nghị của HĐQT công ty;
- Tham gia đầy đủ các phiên họp của HĐQT công ty khi BKS được HĐQT công ty mời tham dự;
- Duy trì các cuộc họp của BKS theo Quy chế hoạt động của BKS;
- Thường xuyên giám sát quá trình thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông đã được thông qua tại kỳ họp tháng 05/2009, giám sát việc chấp hành các qui định của pháp luật và Điều lệ công ty của HĐQT và Ban điều hành công ty;
- Thực hiện công tác kiểm soát định kỳ về kết quả hoạt động SXKD và một số lĩnh vực tại Văn phòng các Công ty và các Chi nhánh trực thuộc.
- Kiến nghị, đề xuất một số nội dung về công tác quản lý, điều hành hoạt động SXKD đối với HĐQT và Ban điều hành Công ty để bổ sung, triển khai kịp thời.
- Trực tiếp giải đáp một số ý kiến phản ánh của cổ đông trong giới hạn chức năng, nhiệm vụ của BKS.
- Kế hoạch để tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị công ty.

2. Thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí cho thành viên HĐQT/Hội đồng thành viên/Chủ tịch và thành viên Ban kiểm soát/Kiểm soát viên

- Mức thù lao:

- + Chủ tịch HĐQT Công ty là 100% mức thu nhập bình quân chung toàn công ty,
- + Các ủy viên HĐQT, Trưởng ban kiểm soát Công ty: 80% mức thu nhập bình quân chung toàn công ty
- + Các thành viên ban kiểm soát Công ty: 50% mức thu nhập bình quân chung toàn công ty.

- Tổng thù lao của HĐQT và Ban kiểm soát Công ty năm 2009 là: 632,856,000 đồng

Trong đó:

- + Tổng thù lao của các thành viên HĐQT Công ty là: 507,084, 000 đồng
- + Tổng thù lao của các thành viên Ban kiểm soát Công ty là: 125,772,000 đồng

- Số lượng thành viên HĐQT/Hội đồng thành viên, Ban Kiểm soát/Kiểm soát viên, Ban Giám đốc đã có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty:

+ Cả 5 thành viên HĐQT đều đã được đào tạo cấp bằng thạc sỹ Quản trị kinh doanh;

+ 1/3 thành viên Ban Kiểm soát đã được đào tạo cấp bằng thạc sỹ Quản trị kinh doanh; 1/3 thành viên Ban Kiểm soát đang trong quá trình đào tạo thạc sỹ Quản trị kinh doanh.

+ 1/1 thành viên Ban Tổng giám đốc điều hành đã được đào tạo cấp bằng thạc sỹ Quản trị kinh doanh;

+ có 2/2 Chủ tịch kiêm Giám đốc Công ty TNHH Nhựa đường và Hóa chất Petrolimex đã có chứng nhận đào tạo quản lý về Giám đốc chuyên nghiệp.

- Tỷ lệ sở hữu cổ phần/vốn góp và những thay đổi trong tỷ lệ nắm giữ cổ phần/vốn góp của thành viên HĐQT/Hội đồng thành viên

- Thông tin về các giao dịch cổ phiếu/chuyển nhượng phần vốn góp của công ty của các thành viên Hội đồng quản trị/Hội đồng thành viên, Ban Giám đốc điều hành, Ban kiểm soát/Kiểm soát viên, cổ đông lớn và các giao dịch khác của thành viên Hội đồng quản trị/Hội đồng thành viên, Ban giám đốc điều hành, Ban kiểm soát/Kiểm soát viên và những người liên quan tới các đối tượng nói trên.

3. Những tiến bộ Công ty đã đạt được

Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:

- Thực hiện phân công chuyên môn hóa cho từng lĩnh vực, tổ chức tốt kênh thông tin thị trường và phối hợp vùng miền trong SXKD. Đánh giá hiệu quả làm việc của người lao động để trả lương, thưởng; đánh giá hiệu quả các kênh phân phối bán hàng của các ngành hàng từ công ty đến các chi nhánh theo hệ thống chuyên ngành, đảm bảo bao quát thị trường, thông tin phản hồi, hỗ trợ trong duy trì, phát triển khách tương đối hiệu quả, có căn cứ đánh giá chính xác hơn hiệu quả kinh doanh của từng nhóm sản phẩm và nhóm khách hàng, đưa ra chính sách bán hàng phù hợp hơn.
- Công ty tiếp tục kiện toàn hệ thống tổ chức bộ máy, công tác cán bộ, lao động của công ty và các đơn vị trực thuộc để sử dụng lao động có hiệu quả, tiết kiệm với bộ máy tinh gọn hơn, tính chuyên nghiệp cao hơn.
- Trong quá trình thực hiện, công ty đã điều chỉnh một số nội dung về cơ cấu tổ chức và phân cấp quản lý trong lĩnh vực quản lý kỹ thuật, công tác đầu tư XD/CB, công tác đảm bảo chất lượng, sử dụng kho bãi, hành chính văn phòng; bàn giao, quản lý sử dụng hệ thống công nghệ thông tin... giữa Công ty mẹ và các đơn vị cho phù hợp với điều kiện thực tế theo nguyên tắc thỏa thuận thông qua các hợp đồng dịch vụ, áp dụng các định mức kinh tế kỹ thuật hoặc thỏa thuận phân bổ chi phí chung, để các đơn vị chủ động trong quản lý và áp dụng các biện pháp tiết kiệm, giảm chi phí.

